BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ ÁI

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG NAM THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Ngô Hà Tấn

Phản biện 1:……
Phản biện 2:…….

Luận văn sẽ được bảo về tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại đại học Đà Nẵng vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
- Trung tâm thông tin - học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Tính cấp thiết của đề tài:

Ở các Công ty Điện lực tỉnh, mặc dù qui mô sản SXKD lớn nhưng nhìn chung phân cấp quản lý tài chính vẫn còn rất hạn chế và mô hình tổ chức kế toán chủ yếu là tập trung.

Công ty Điện Lực Quảng Nam là công ty thành viên trong Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung. Hiện nay, tổ chức kế toán vẫn theo mô hình tập trung, khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm ở các đơn vị cấp dưới rất thấp, còn ỷ lại.

Qua phân tích điều kiện thực tế, nhận thấy, việc phân cấp quản lý tài chính và từ đó xác lập mô hình tổ chức kế toán phù hợp ở Công ty Điện Lực Quảng Nam là vấn đề rất cấp thiết hiện nay.

Đề tài**" Hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán tại Công ty Điện Lực Quảng Nam thuộc Tổng công ty Điện lực miền Trung**" với mục đích nghiên cứu sâu hơn về các mô hình tổ chức kế toán, hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán phù hợp với điều kiện của Công ty Điện lực Quảng Nam, góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết hiện nay.

2.Tổng quan về đề tài nghiên cứu.

Xác lập mô hình tổ chức kế toán trong các DN là một trong những nội dung quan trọng trong công tác tổ chức kế toán.

Đề tài có tham khảo một số tài liệu về phân cấp tài chính và mô hình tổ chức kế toán, từ đó nghiên cứu vận dụng cụ thể điều kiện Công ty Điện lực Quảng Nam.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán hợp lý trên cơ sở những yêu cầu mới về phân cấp quản lý tài chính ở Công ty Điện Lực Quảng Nam. Qua đó, cũng

có thể mở rộng áp dụng cho các Công ty Điện Lực cấp Tỉnh nói chung.

4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng: Tập trung nghiên cứu các mô hình tổ chức kế toán, từ đó nghiên cứu vận dụng để hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán ở Công ty Điện lực Quảng Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: Trong phạm vi Công ty Điện lực Quảng Nam .

5. Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, xem xét thực tiễn trong sự vận động và sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hiện tượng; đề tài cũng sử dụng các phương pháp nghiệp vụ như phân tích, tổng hợp để nghiên cứu, trình bày các vấn đề lý luận và thực tiễn một cách phù hợp và logic.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

- Nghiên cứu vận dụng những vấn đề lý luận về mô hình tổ chức kế toán vào thực tiễn cụ thể là Công ty Điện Lực Quảng Nam.

- Đề tài góp phần hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán ở Công ty Điện lực Quảng Nam.

7. Cấu trúc của đề tài:

Phần mở đầu

Chương 1 – Những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình tổ chức kế toán trong doanh nghiệp.

Chương 2 – Nghiên cứu phân cấp quản lý tài chính và mô hình tổ chức kế toán hiện tại ở Công ty Điện lực Quảng Nam thuộc Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung.

Chương 3 - Hoàn thiện mô hình tổ chức kế tóan tại Công ty Điện lực Quảng Nam thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Trung.

Phần kết luận.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Mô hình tổ chức kế toán - một nội dung cơ bản trong tổ chức kế toán.

1.1.1. Khái niệm, nội dung tổ chức kế toán.

1.1.1.1 Khái niệm: Tổ chức kế toán là việc tổ chức công tác kế toán và gắn liền với nó là tổ chức bộ máy kế toán. Tổ chức công tác kế toán là tổ chức sắp xếp các khối lượng công tác kế toán để trên cơ sở đó xem xét bố trí người thực hiện cho phù hợp. Tổ chức bộ máy kế toán là sắp xếp, phân công công việc (phần hành) cho từng kế toán và hình thành các mối quan hệ để thực hiện công việc trong phòng kế toán (hoặc bộ phận kế toán) của một doanh nghiệp.

1.1.1.2 Nội dung tổ chức kế toán: Gồm các nội dung sau:

- *Một là,* xác lập mô hình tổ chức kế toán phù hợp với đặc điểm về quản lý, qui mô của đơn vị.
- *Hai là,* tổ chức công tác kế toán.
- *Ba là,* tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình đã xác lập.

1.1.2 Mô hình tổ chức kế toán:

1.1.2.1 Khái niệm: Mô hình tổ chức kế toán là quan hệ về phân phối công tác kế toán giữa các cấp quản lý dựa trên cơ sở qui hoạch thông tin cho từng cấp của một tổ.

1.1.2.2 Các mô hình tổ chức kế toán: Có ba mô hình tổ chức kế toán là: Tập trung, phân tán và vừa tập trung, vừa phân tán:

a- Mô hình tổ chức kế toán tập trung: Là mô hình tổ chức mà toàn bộ công tác kế toán trong DN được tiến hành tập trung tại

phòng kế toán DN.

b- Mô hình tổ chức kế toán phân tán: Là mô hình tổ chức kế toán mà công tác kế toán không những được tiến hành ở phòng kế toán DN mà còn được tiến hành ở những đơn vị trực thuộc DN.

c- Mô hình tổ chức kế toán vừa tập trung, vừa phân tán: là mô hình kết hợp của cả hai mô hình trên và được áp dụng ở các DN mà các đơn vị trực thuộc có những điều kiện khác nhau. Theo mô hình này, trong DN có những đơn vị có tổ chức kế toán riêng và cũng có đơn vị không có tổ chức kế toán riêng.

1.2 Phân cấp quản lý tài chính- cơ sở xác lập mô hình tổ chức kế toán.

1.2.1 Phân cấp quản lý tài chính trong DN.

1.2.1.1 Tài chính và quản lý tài chính DN.

a- Khái niệm tài chính và quản lý tài chính DN.

Tài chính DN là toàn bộ các quan hệ tài chính biểu hiện qua quá trình "huy động và sử dụng vốn để tối đa hóa giá trị của DN".

b- Sự hình thành phân cấp quản lý tài chính trong DN

Dựa vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của DN, qui mô, sự phân bố tài sản, nguồn vốn ở các đơn vị trực thuộc, DN sẽ tổ chức, sắp xếp, phân chia thành từng cấp khác nhau nhằm phục vụ tốt nhất mục tiêu quản lý của DN và sự phân chia đó được gọi là sự phân cấp.

Mức độ phân cấp quản lý nhiều hay ít phụ thuộc vào qui mô DN, địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ năng lực quản lý, năng lực chuyên môn.

Sự phân quyền về quản lý tài chính cho các đơn vị thành viên cấp dưới, gọi là phân cấp quản lý tài chính.

*1.2.1.2 Nội dung phân cấp quản lý tài chính.: T*hể hiện ở các mặt: quyền và trách nhiệm về huy động các nguồn vốn, quản lý khai

thác có hiệu quả các loại tài sản, phân phối kết quả hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ tài chính đối với cấp trên, đối với nhà nước và các chủ thể khác có liên quan. Có thể nêu nội dung PCQLTC qua các mặt như sau:

- Quản lý vốn.
- Quản lý và sử dụng tài sản.
- Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động SXKD
- Nghĩa vụ tài chính đối với cấp trên, đối với Nhà nước.
- Lập kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính.

1.2.1.3 Ý nghĩa của phân cấp quản lý tài chính trong DN.

- Vốn được đầu tư cho DN sẽ phù hợp giữa yêu cầu và khả năng quản lý sử dụng vốn, phù hợp với quy mô cũng như nhiệm vụ kinh doanh được giao tại các đơn vị thành viên.

- Công tác quản lý của cấp trên được nâng cao do không phải thực hiện các công việc mang tính chất sự vụ.

- PCQLTC là cơ sở cho hạch toán kinh tế nội bộ, điều này sẽ làm cho tập thể người lao động quan tâm và có trách nhiệm nhiều hơn đối với kết quả kinh doanh của đơn vị.

1.2.2 Phân cấp quản lý tài chính là cơ sở xác lập mô hình tổ chức kế toán.

Mô hình tổ chức kế toán được xác lập phải dựa trên cơ sở PCQLTC, cụ thể như sau:

- Đối với DN có qui mô nhỏ, PCQLTC thường là rất ít hoặc không có PCQLTC. Mô hình tổ chức kế toán thường được áp dụng là mô hình tập trung.

- Đối với DN có qui mô tương đối lớn, từ đó PCQLTC được xác lập, nhưng không hoàn chỉnh, không đồng đều ở các đơn vị cơ sở. Lúc này mô hình tổ chức kế được áp dụng thường là mô hình vừa tập trung, vừa phân tán.

- Đối với DN có qui mô lớn, thường sẽ có PCQLTC hoàn chỉnh. Mô hình tổ chức kế toán được áp dụng thường là mô hình phân tán.

1.3 Tổ chức kế toán các quan hệ thanh toán hình thành nội bộ doanh nghiệp.

1.3.1 Sự hình thành các quan hệ thanh toán nội bộ.

Trên cơ sở phân cấp quản lý tài chính, DN xác lập mô hình tổ chức kế toán phù hợp, nảy sinh các quan hệ thanh toán giữa đơn vị cấp trên và cấp dưới, các quan hệ này phải được theo dõi, ghi chép ở cả đơn vị cấp trên và cấp dưới, hình thành quan hệ thanh toán nội bộ.

1.3.2 Tổ chức kế toán các quan hệ thanh toán nội bộ.

1.3.2.1 Đối với mô hình tổ chức kế toán phân tán

a- Nội dung các quan hệ thanh toán nội bộ:

- *Quan hệ thanh toán nội bộ về vốn*: là mối quan hệ về cấp phát vốn giữa đơn vị cấp trên cho cấp dưới.

- *Quan hệ về công nợ nội bộ giữa cấp trên và cấp dưới*: là mối quan hệ thanh toán giữa cấp trên và cấp dưới về mua bán hàng hoá nội bộ, các khoản thu hộ, trả hộ, hợp đồng vay mượn.

- *Quan hệ về công nợ nghĩa vụ*: Là quan hệ thanh toán về các khoản nghĩa vụ đơn vị cấp dưới phải nộp cho đơn vị cấp trên như chi phí quản lý, lãi từ hoạt động kinh doanh, khấu hao tài sản cố định,.. hay các khoản cấp trên phải cấp cho cấp dưới như các quĩ, bù lỗ...

b- Hạch toán các quan hệ nội bộ: Để ghi nhận các quan hệ thanh toán nội bộ này, cấp trên và cấp dưới đều phải mở sổ theo dõi các khoản phải thu và phải trả lẫn nhau theo nguyên tắc khoản phải thu của cấp trên là khoản phải trả của cấp dưới và ngược lại.

Hạch toán mối quan hệ này, ta sử dụng Tài khoản 136 “phải thu nội bộ” và Tài khoản 336 “phải trả nội bộ”.

1.3.2.2 Đối với mô hình tổ chức kế toán tập trung: Không hình thành quan hệ thanh toán nội bộ.

1.3.2.3 Đối với mô hình tổ chức kế toán vừa tập trung, vừa phân tán: Hạch toán quan hệ thanh toán nội bộ cũng chia thành 2 phần: Đối với các đơn vị theo mô hình phân tán thì quan hệ nội bộ theo mô hình phân tán, đối với các đơn vị theo mô hình tập trung thì quan hệ thanh toán nội bộ theo mô hình tập trung.

1.4 Đặc điểm DN SXKD điện cấp tỉnh và những vấn đề đặt ra đối với mô hình tổ chức kế toán.

1.4.1 Đặc điểm DN SXKD điện cấp tỉnh:

- Được Tổng công ty giao vốn, tài sản và các nguồn lực, có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn và tài sản được giao, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, với Tổng công ty.

1.4.2 Những vấn đề đặt ra đối với mô hình tổ chức kế toán trong DN SXKD điện cấp tỉnh.

- Thực hiện chủ trương của Nhà nước về chuyển đổi hình thức các DN Nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên.

- Mô hình tổ chức kế toán tập trung tại các Công ty Điện lực đang áp dụng đã bộc lộ nhiều khuyết điểm.

- Để đáp ứng tốt yêu cầu quản lý tài chính trong tình hình hiện nay, thiết nghĩ các Công ty Điện lực cần xem xét đổi mới mô hình tổ chức kế toán cho phù hợp với phân cấp quản lý tài chính.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã tổng hợp cơ sở lý luận về mô hình tổ chức kế toán, trong đó đã nêu lên được mối quan hệ giữa PCQLTC và việc xác lập mô hình tổ chức kế toán hợp lý.

CHƯƠNG 2: NGHIÊN CỨU PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC KẾ TOÁN HIỆN TẠI Ở CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG NAM THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG.

2.1 Giới thiệu về Công ty Điện Lực Quảng Nam thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Trung.

2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Công ty Điện lực Quảng Nam.

Năm 1997, Điện lực Quảng Nam được tách ra từ Điện lực Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số 254EVN/TCCB-LĐ ngày 14/3/1997 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Ngày 14/4/2010, căn cứ Quyết định số 230/QĐ-EVN của HĐQT Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc đổi tên Điện lực Quảng Nam thành Công ty điện lực Quảng Nam.

Công ty Điện lực Quảng Nam với ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh điện năng, quản lý vận hành lưới điện phân phối, tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35kV, đại lý dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh thiết bị viễn thông.

Tóm tắt quá trình phát triển SXKD của Công ty theo số liệu sau:

Năm	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010
S.lg th.phẩm	Tr.Kwh	427	508	582	661	740
Slg k.hàng	Hộ	57.048	64.499	81.223	157.140	207.034
Doanh thu	Tr.đồng	296.820	381.388	448.980	571.422	717.800

2.1.2 Đặc điểm SXKD và các đơn vị thuộc Công ty Điện Lực Quảng Nam.

- Về sản xuất kinh doanh điện năng: Công ty Điện lực Quảng Nam thực hiện sản xuất kinh doanh điện theo Luật Điện lực, nhận điện từ điện lưới quốc gia, tự sản xuất và mua điện của các nhà máy điện trong địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Về kinh doanh dịch vụ viễn thông công cộng: Được EVN CPC giao nhiệm vụ làm tổng đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh thiết bị viễn thông và xây lắp các công trình viễn thông.

- Về kinh doanh các sản phẩm khác**:** Xây lắp các công trình điện, khảo sát, giám sát, thiết kế, nghiệm thu các công trình điện…

Công ty Điện Lực Quảng Nam hiện có 12 đơn vị trực thuộc, gồm 10 điện lực (Núi thành, Tam Kỳ, Tiên Phước, Thăng Bình, Hiệp Đức, Duy Xuyên, Điện bàn, Hội An, Đại Lộc, Đông Giang), 01 Xí nghiệp Điện cơ và 01 Trung tâm Viễn thông.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty và các đơn vị trực thuộc.

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty: Theo quan hệ trực tuyến- chức năng bao gồm Giám đốc, 03 Phó giám đốc, các phòng ban chức năng và 12 đơn vị trực thuộc.

2.1.3.2 Tổ chức bộ máy quản lý ở các đơn vị trực thuộc: gồm có Giám đốc, 01 Phó giám đốc, các phòng và các tổ, đội.

2.2 Phân cấp quản lý tài chính và mô hình tổ chức kế toán ở Công ty Điện lực Quảng Nam.

2.2.1 PCQLTC ở Công ty Điện Lực Quảng Nam.

Hiện tại, Công ty thực hiện PCQLTC cho các đơn vị như sau:

2.2.1.1 Đối với các Điện lực khu vực:

1. Về quản lý, sử dụng vốn và tài sản: Các Điện lực được Công ty giao quản lý và sử dụng tài sản về mặt hiện vật. Công ty giao vốn bằng tiền cho Điện lực theo hình thức tạm ứng vốn. Việc hoàn trả vốn bằng tiền được thực hiện ngay khi đơn vị hoàn thành thủ tục với nhà cung ứng.

2. Về quản lý doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động SXKD.

- Về quản lý doanh thu: Các Điện lực được giao quản lý toàn bộ doanh thu điện, viễn thông, sản xuất khác theo hoá đơn phát hành. Cuối tháng, đơn vị lập báo cáo chi tiết doanh thu, công nợ và nộp tiền về Công ty.

- Về quản lý chi phí: Toàn bộ chi phí quản lý tập trung tại Công ty. Các Điện lực chỉ làm công tác tập hợp chứng từ ban đầu, lập bảng kê thanh toán và tập hợp về Công ty xử lý, ghi sổ.

- Về phân phối lợi nhuận: Công ty xác định lãi lỗ, nộp thuế, trích lập quĩ theo tập trung tại Công ty.

2.2.1.2 Đối với Xí nghiệp Điện cơ:

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản: Thực hiện tương tự như phân cấp cho các điện lực khu vực.

2. Về quản lý doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động SXKD.

- Về quản lý doanh thu: Doanh thu gồm: thí nghiệm thiết bị điện, các khoản lệ phí kiểm định công tơ. Xí nghiệp có trách nhiệm quản lý doanh thu của các hoạt động này, phát hành hoá đơn, biên lai phí, lệ phí cho khách hàng. Cuối tháng, Xí nghiệp lập báo cáo doanh thu, thực thu, công nợ và nộp toàn bộ số tiền thu được về Công ty.

- Về quản lý chi phí: Thực hiện tương tự như phân cấp cho các điện lực khu vực.

- Về phân phối lợi nhuận: Quản lý tập trung tại Công ty.

2.2.1.3 Đối với Trung tâm Viễn thông:

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản: Thực hiện tương tự như phân cấp cho các Điện lực khu vực.

2. Về quản lý doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động SXKD.

- Về quản lý doanh thu: Trung tâm viễn thông là đầu mối đối soát cước phát sinh của khách hàng với đơn vị chủ đại lý, phát hành hoá đơn và giao cho các Điện lực thực hiện công tác thu nợ.

- Về quản lý chi phí: Thực hiện tương tự như phân cấp cho các điện lực khu vực.

- Về phân phối lợi nhuận: Quản lý tập trung tại Công ty.

2.2.2 Mô hình tổ chức kế toán tại công ty Điện Lực Quảng Nam

Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty Điện lực Quảng nam là mô hình tập trung.

Quan hệ kế toán giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc:

- *Tại các đơn vị trực thuộc*: Các đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ tập hợp hoá đơn, chứng từ ban đầu và gửi về Phòng Tài chính Công ty để xử lý, cập nhật, chi tiền. Cuối tháng, đơn vị lập báo cáo số liệu về các khoản thu nộp trong kỳ gửi Công ty.

- *Tại Phòng Tài chính:* Chịu trách nhiệm tổ chức toàn bộ công tác kế toán của Công ty. Căn cứ các chứng từ, hồ sơ, báo cáo các đơn vị trực thuộc gửi về, Phòng Tài chính kiểm tra, lập chứng từ phiếu thu, chi, chứng từ khác để hạch toán theo từng nghiệp vụ phát sinh, hạch toán phiếu nhập- xuất vật tư của Phòng vật tư gửi, tổng hợp và xử lý dữ liệu, lập báo cáo tài chính cho toàn Công ty.

2.2.2.1 Công tác kế toán tại các đơn vị trực thuộc Công ty.

a- Tại các Điện lực khu vực.

a1. Theo dõi tài sản cố định, công cụ dụng cụ:

- Kế toán Điện lực mở sổ theo dõi chi tiết TSCĐ theo tên, năm sử dụng, số lượng, công suất.

a2. Theo dõi doanh thu, công nợ:

- Kinh doanh điện: Trên cơ sở số liệu kinh doanh đơn vị, kế toán theo dõi doanh thu, thực thu, công nợ, báo cáo công nợ với Công ty.

- Đối với kinh doanh viễn thông: Thực hiện tương tự như kinh doanh điện. Về việc bán thiết bị viễn thông, kế toán lập báo cáo chi tiết bán hàng để quyết toán kho hàng với Công ty.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Kế toán phát hành hoá đơn cho khách hàng, thu tiền và nộp về Công ty theo bảng kê chi tiết công trình thực hiện.

a3.Theo dõi chi phí: Các khoản chi tại đơn vị bao gồm: Chi mua vật tư nhỏ lẻ, chi phí văn phòng. Điện lực đề nghị Công ty cho tạm

ứng. Sau khi thực hiện xong, kế toán tập hợp chứng từ gửi Công ty thanh toán và hoàn ứng.

b. Tại Xí nghiệp Điện Cơ.

b1. Theo dõi tài sản cố định, công cụ dụng cụ: Thực hiện theo dõi tương tự các Điện lực.

b2. Theo dõi doanh thu, công nợ: Thống kê phát hành hoá đơn, biên lại phí, lệ phí và trực tiếp thu tiền, sau đó lập bảng kê chi tiết doanh thu, thực thu và nộp tiền về Công ty.

b3. Theo dõi chi phí: Thanh toán trực tiếp tại Công ty. Các khoản thu, chi được theo dõi trên sổ chi tiết tiền mặt.

c. Tại Trung tâm Viễn thông.

c1. Theo dõi tài sản cố định, công cụ dụng cụ: Kế toán thực hiện theo dõi tương tự các Điện lực.

c2. Theo dõi doanh thu, công nợ: kế toán nhận hoá đơn tổng của Chủ đại lý phát hành, kiểm tra và giao lại cho ké toán Công ty.

c3. Theo dõi chi phí: Thanh toán tập trung tại Công ty.

2.2.2.2 Công tác kế toán tại Văn phòng Công ty.

a. Kế toán đầu tư xây dựng và tài sản cố định: Kế toán mở đối tượng công trình để theo dõi chi phí thực hiện và tạm ứng vốn cho các bên thi công. Trong kỳ, kế toán tập hợp chi phí công trình.

- Tăng TSCĐ: Khi công trình hoàn thành, kế toán nhận biên bản nghiệm thu, bàn giao TSCĐ đưa vào sử dụng, tạm tăng TSCĐ theo giá tạm tính, sau đó điều chỉnh lại giá trị sau khi quyết toán.

- Giảm TSCĐ: Khi có quyết định điều chuyển TSCĐ hoặc thanh lý, tháo dỡ, kế toán lập các thủ tục cần thiết, ghi giảm TSCĐ.

b. Kế toán mua vật tư, hàng hoá: Phòng Vật tư tổ chức mua sắm bằng hình thức đấu thầu, mua trực tiếp hoặc điều chuyển trong nội bộ Tổng công ty, Phòng Vật tư lập Phiếu nhập kho, chuyển số liệu

vật tư và 1 liên sang bộ phận kế toán để kế toán hạch toán, đối chiếu công nợ, theo dõi trả nợ, đối chiếu tồn kho với Phòng Vật tư.

c. Kế toán doanh thu, công nợ phải thu:

- Doanh thu sản xuất kinh doanh điện: Căn cứ báo cáo các Điện lực gửi về, báo cáo của Phòng Kinh doanh, kế toán hạch toán theo dõi doanh thu theo đơn vị và kê khai thuế GTGT đầu ra. Cuối kỳ, đối chiếu công nợ còn phải thu khách hàng với từng Điện lực.

- Doanh thu kinh doanh viễn thông: Trung tâm viễn thông gửi bảng tổng hợp cước phát sinh, kế toán ghi nợ phải thu khách hàng và theo dõi khoản phải trả cho chủ đại lý. Kế toán phát hành hoá đơn, ghi doanh thu hoa hồng được hưởng, bù trừ công nợ với chủ đại lý.

- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác: Các hoạt động kinh doanh khác Công ty theo dõi, kế toán phát hành hoá đơn. Các hoạt động đơn vị theo dõi, căn cứ báo cáo đơn vị gửi về, kế toán ghi doanh thu, công nợ, kê khai thuế.

d. Kế toán chi phí SXKD:

- Chi phí điện mua của Tổng công ty, các đơn vị ngoài ngành: Căn cứ hoá đơn của Tổng công ty và các đơn vị bán điện, kế toán ghi tăng chi phí mua điện, tăng khoản phải trả với Tổng Công ty.

- Chi phí nguyên vật liệu: Căn cứ phiếu xuất kho vật liệu sử dụng cho sản xuất kinh doanh, kế toán vật tư ghi tăng chi phí vật liệu.

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương: Căn cứ sản lượng điện thương phẩm, đơn giá tiền lương Tổng công ty giao, hệ số lương các bộ phận sản xuất trong Công ty, kế toán tính và phân bổ chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Kế toán tài sản cố định cập nhật nguyên giá, thời gian khấu hao. Khấu hao được tính và trích tự động trên phần mềm quản lý tài sản cố định.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác: Căn cứ chứng từ thực tế phát sinh, kế toán thanh toán lập phiếu chi tiền mặt, ngân hàng và hạch toán ghi tăng chi phí.

e. Kế toán xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận: Cuối kỳ, kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh hoạt động kinh doanh khác, hoạt động điện và viễn thông chỉ xác định chênh lệch doanh thu, chi phí.

f. Lập báo cáo kế tóan: Báo cáo kế toán của Công ty gồm các báo cáo tài chính theo qui định của Nhà nước và các biểu báo cáo kế toán quản trị.

2.3 Đánh giá PCQLTC và mô hình tổ chức kế toán tại Công ty Điện Lực Quảng Nam.

2.3.1 Đánh giá PCQLTC ở Công ty Điện Lực Quảng Nam.

Qua trình bày trên, nhận thấy Công ty điện lực Quảng nam PCQLTC cho các đơn vị còn rất ít, bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể:

- Do không quản lý tài sản về mặt giá trị nên việc sử dụng tài sản tại các đơn vị còn tuỳ tiện, không tiết kiệm.

- Các đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh còn ỷ lại, thụ động, không có trách nhiệm trong quản lý.

- Đa số các đơn vị ở xa trụ sở Công ty, nên việc đi lại thanh toán có nhiều khó khăn.

- Việc quản lý tập trung doanh thu, các nguồn tiền lương, quĩ ... các đơn vị trực thuộc không gắn trách nhiệm.

2.3.2 Đánh giá mô hình tổ chức kế toán tại Công ty Điện Lực Quảng Nam.

Mô hình tổ chức kế toán tập trung bộc lộ nhiều hạn chế thể hiện:

- Khối lượng công việc nhiều tại Phòng Tài chính. Do đó, báo cáo tài chính thường không kịp thời và dễ xảy ra sai sót .

- Không kiểm soát chi phí phát sinh tại các đơn vị.

- Quản lý tại đơn vị không nắm bắt được về mặt giá trị đơn vị mình, ảnh hưởng đến công tác điều hành quản lý tại các đơn vị.

- Nhân lực làm công tác kế toán phân bổ không hiệu quả.

Với những bất cập trong mô hình tổ chức kế toán hiện tại và các lợi thế sẵn có, Lãnh đạo Công ty Điện Lực Quảng Nam cần có kế hoạch PCQLTC cho các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đó lựa chọn mô hình tổ chức kế toán phù hợp hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này đã mô tả về thực trạng PCQLTC và mô hình tổ chức kế toán hiện đang áp dụng tại Công ty Điện lực Quảng Nam. Qua đó, đánh giá ưu, nhược điểm, những tồn tại làm cơ sở cho giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán ở Công ty.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG NAM THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG.

3.1 Những yêu cầu về PCQLTC và xem xét lại mô hình tổ chức kế toán ở Công ty điện lực Quảng Nam.

3.1.1 Những yêu cầu về PCQLTC trong điều kiện hiện nay của Công ty.

3.1.1.1 Những điều kiện hiện nay cần quan tâm trong PCQLTC ở Công ty.

- Một là, việc thay đổi cơ chế quản lý tài chính từ đơn vị hạch toán phụ thuộc chuyển sang hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hạch toán độc lập.

- Hai là, để đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính của các đơn vị phụ thuộc Công ty.

- Tuy nhiên, tại Công ty hiện nay, PCQLTC là chưa đáp ứng. Sự quản lý tập trung làm cho công tác tài chính kém linh hoạt, sự quá tải của kế toán Công ty dẫn đến những sai sót kế toán, kiểm soát chi phí

không chặc, không tiết kiệm và hiệu quả, thông tin kế toán cung cấp không kịp thời, hạn chế rất nhiều khả năng của các đơn vị.

3.1.1.2 Yêu cầu về PCQLTC trong điều kiện hiện nay.

Với những điều kiện và tiềm lực như hiện nay, PCQLTC tại Công ty cần được xây dựng lại như sau:

a. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản: Giao cho các đơn vị trực thuộc quản lý toàn bộ vốn cố định dưới hình thức tài sản cố định và một phần vốn lưu động tối thiểu cần thiết.

a1.Đối với TSCĐ. Giao cho đơn vị quản lý TSCĐ cả về mặt hiện vật và giá trị , định kỳ tính khấu hao và nộp về Công ty.

a2.*Về vật tư, thiết bị, hàng hoá*:

+ Chủng loại vật tư chủ yếu, giá trị lớn, Công ty quản lý tập trung tại Công ty.

+ Chủng loại vật tư nhỏ lẻ, giá trị thấp, giao cho các đơn vị tự cân đối.

- Công ty cân đối tồn kho toàn Công ty.

a3. *Về công nợ*: Việc giao cho các đơn vị quản lý công nợ, được quyền xử lý các món nợ khó đòi dưới 10 triệu đồng /1 khách hàng.

b.Về quản lý doanh thu, chi phí:

b1. *Về doanh thu:*

- Doanh thu sản xuất điện: Giao chỉ tiêu doanh thu cho các điện lực, các Điện lực tự thực hiện theo qui trình kinh doanh. Công ty chỉ kiểm sóat trên chương trình quản lý chung toàn Công ty.

b2. *Về chi phí:*

- Chi phí nguyên vật liệu: Công ty giao định mức cho các đơn vị trên sản lượng tiêu thụ.

- Chi phí tiền lương: Trên cơ sở định mức lao động, Công ty sẽ giao đơn giá tiền lương cho các đơn vị theo sản lượng, doanh thu.

Công ty giữ lại một phần và chia cho các đơn vị hàng quí theo chỉ tiêu điểm xét thưởng từng đơn vị.

- Chi phí điện mua: Chi phí này tập trung quản lý tại Công ty

- Chi phí khấu hao: Các đơn vị tính, trích khấu hao theo qui định của Nhà nước và của Ngành, nộp toàn bộ số khấu hao về Công ty.

- Chi phí sữa chữa lớn: các đơn vị tự phê duyệt quyết toán các công trình sửa chữa lớn có giá trị công trình dưới 500 triệu đồng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác: Công ty giao định mức cho các đơn vị trên sản lượng tiêu thụ.

c.Về xác định kết quả kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách và trích lập các quĩ.

c1. *Về xác định kết quả kinh doanh:*

- Không xác định kết quả kinh doanh điện và viễn thông.

- Đơn vị tự xác định kết quả kinh doanh các loại hình sản xuất khác tại đơn vị, nộp thuế thu nhập DN theo qui định.

c2. *Về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước:*

- Thuế GTGT: Thuế GTGT phát sinh tại đơn vị do đơn vị kê khai và gửi bảng kê chi tiết về Công ty, kê khai tập trung tại Công ty.

- Thuế thu nhập DN: Ngoài các loại hình đã phân cấp cho đơn vị tự nộp, phần còn lại Công nộp tập trung tại Công ty.

- Thuế thu nhập cá nhân: Việc kê khai, quyết toán thuế thu nhập cá nhân giao cho đơn vị thực hiện.

c3. *Về trích lập các quĩ:* Công ty để lại cho đơn vị toàn bộ quĩ khen thưởng, quĩ phúc lợi trích được từ hoạt động kinh doanh khác tại đơn vị.

3.1.2 Khái quát mô hình tổ chức kế toán phù hợp với PCQLTC được xác định lại như nêu trên.

Mô hình tập trung đang áp dụng hiện nay bộc lộ nhiều hạn chế. Với phân cấp quản lý tài chính mới như đã trình bày trên, mô hình tổ chức kế toán tập trung không còn phù hợp, thể hiện:

- Các đơn vị được phân cấp quản lý về vốn, tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí nhưng toàn bộ chứng từ đều tập trung về Công ty, quản lý tại các đơn vị vẫn không có đủ thông tin phục vụ quản lý.

- Với điều kiện sẵn có, nếu vẫn duy trì mô hình cũ sẽ là một bất cập do phân công công việc kế toán ở các cấp không phù hợp với PCQLTC.

Vì vậy, cần thiết phải hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán ở Công ty theo hướng mô hình phân tán ở mức độ nhất định cho phù hợp với PCQLTC đã được đặt .

3.2 Triển khai nội dung công tác kế toán trong điều kiện mô hình tổ chức kế toán mới ở Công ty Điện lực Quảng Nam.

3.2.1 Những qui định cần thiết để thực hiện công tác kế toán theo mô hình mới ở Công ty.

3.2.1.1 Đối với các Điện lực khu vực thực hiện theo mô hình phân tán.

a.Qui định trong hoạt động kinh doanh: Công ty giao cho các Điện lực tự thực hiện công tác ghi chữ, phát hành hoá đơn và quản lý thu nợ, giao chỉ tiêu các Điện lực trong việc thực hiện kế hoạch sản lượng, giá bán bình quân, tỷ lệ thu nợ.

b. Qui định trong công tác quản lý kỹ thuật: Giao cho các Điện lực tự quản lý, điều hành công tác kỹ thuật.

c. Qui định về công tác kế hoạch: Giao cho các Điện lực trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị để sát với thực tế đơn vị.

d. Qui định trong công tác quản lý vật tư: Ban hành các qui định quản lý vật tư với các định mức sử dụng vật.

e. Qui định trong công tác quản lý nhân sự, tiền lương: Định biên lao động tại các đơn vị, giao đơn giá tiền lương

f. Qui định trong công tác tài chính: Ban hành qui chế quản lý tài chính, định mức sử dụng chi phí.

3.2.1.2 Đối với Xí nghiệp Điện cơ, Trung tâm viễn thông thực hiện theo mô hình tổ chức kế toán tập trung.

Công ty cần giao định mức chi tiêu cho các đơn vị và cấp tạm ứng vốn bằng tiền để đơn vị tự chi tiêu. Cuối tháng, kế toán đơn vị thực hiện quyết toán chi phí với Công ty.

3.2.2 Nội dung công tác kế toán theo mô hình tổ chức kế toán mới ở Công ty.

3.2.2.1 Nội dung công tác kế toán ở các đơn vị trực thuộc.

a. Đối với các đơn vị có tổ chức kế toán riêng (các Điện lực khu vực). Các Điện lực khu vực thành lập Phòng kế toán, thực hiện các công việc kế toán và lập báo cáo kế toán theo qui định chung của Nhà nước và Công ty, cụ thể:

a1. Kế toán vốn Công ty cấp: Nhận vốn Công ty cấp dưới hình thức tiền hoặc tài sản…Đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

a2. Kế toán tài sản cố định:

- Tăng tài sản cố định:

TSCĐ hình thành từ mua sắm mới, TSCĐ hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản hay từ nhận bàn giao. Căn cứ hồ sơ tài sản, kế toán cấp nhật tăng TSCĐ, mở thẻ theo dõi TSCĐ theo qui định.

- Trích khấu hao và tính hao mòn TSCĐ: TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Kế toán phân bổ khấu hao theo tỷ lệ doanh thu thực hiện. Cuối tháng, kế toán xác định số khấu hao và nộp toàn bộ khấu hao về Công ty

- Giảm tài sản cố định: TSCĐ giảm một phần hay toàn bộ do tháo dỡ, điều chuyển, bán thanh lý…Căn cứ quyết định của Công ty, đơn vị làm thủ tục giảm tài sản, nhập kho vật tư tháo dỡ thu hồi, kế toán ghi giảm TSCĐ, giảm vốn (nếu có).

a3. Kế toán xây dựng cơ bản, sữa chữa lớn: Trong kỳ, kế toán theo dõi chi phí công trình, lập, thẩm tra quyết tóan các công trình hoàn thành trong mức cho phép, chuyển hồ sơ TSCĐ và báo cáo giá trị thực hiện với Công ty.

a4. Kế toán doanh thu và công nợ phải thu:

- Căn cứ hóa đơn phát hành, kế toán ghi nhận doanh thu, theo dõi số tiền thực thu và đối chiếu công nợ phải thu với bộ phận kinh doanh.

a5. Kế toán chi phí SXKD:

- Chi phí nguyên vật liệu: Căn cứ phiếu xuất kho bộ phận vật tư lập, kế toán ghi tăng chi phí vật liệu.

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương: Căn cứ sản lượng thương phẩm, doanh thu thực hiện và đơn giá tiền lương, kế toán tính lương, đồng thời, tính và trích các khoản theo lương.

- . Chi phí khấu hao TSCĐ: Việc tính khấu hao sẽ được thực hiện trên chương trình tài sản cố định, kế toán cập nhật biến động và tỷ lệ phân bổ khấu hao theo doanh thu, hạch toán vào chi phí.

- . Chi phí dịch vụ mua ngoài: Căn cứ hoá đơn mua hàng, kế toán lập chứng từ chi tiền, và hạch toán vào chi phí các dịch vụ mua ngoài.

- . Chi phí bằng tiền khác: Căn cứ hoá đơn mua hàng, kế toán lập chứng từ chi tiền, và hạch toán vào chi phí.

a6. Kế toán công nợ nội bộ với Công ty và các đơn vị thuộc Công ty: Các quan hệ nội bộ với Công ty và các đơn vị nội bộ...kế

toán hạch toán theo dõi, có thể thanh toán cho nhau hoặc bù trừ công nợ với Công ty.

a7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh điện, viễn thông tập trung tại Công ty, điện lực chỉ xác định kết quả hoạt động sản xuất khác.

Kết quả sản xuất khác ngoài sản xuất điện, viễn thông sau khi nộp thuế điện lực phân chia các quĩ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ được giữ lại) và nộp số lãi còn lại về Công ty.

Lập báo cáo kế tóan: Báo cáo kế tóan được lập theo tháng, quí, năm, gồm các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị theo yêu cầu Công ty.

b. Đối với các đơn vị thực hiện tổ chức kế toán tập trung (Xí nghiệp Điện Cơ, Trung tâm Viễn thông).

- *Theo dõi tài sản cố định:* Đơn vị theo dõi về mặt hiện vật

- *Theo dõi doanh thu*:

+ Doanh thu viễn thông: Trung tâm Viễn thông chỉ làm đầu mối nhận dữ liệu cước phát sinh, sau đó chuyển cho Điện lực để các Điện lực trực tiếp phát hành hoá đơn, theo dõi doanh thu.

+ Các khoản thu phí, lệ phí: Xí nghiệp Điện cơ trực tiếp phát hành hoá đơn cho khách hàng, theo dõi doanh thu, thực thu, công nợ, thống kê đơn vị lập báo cáo doanh thu hàng tháng gửi về Công ty.

- *Theo dõi chi phí*: Hàng tháng, quí, đơn vị lập kế hoạch chi tiêu tại đơn vị và Công ty cấp tạm ứng cho đơn vị. Cuối tháng, đơn vị tập hợp tất cả chứng từ mua vào, lập bảng kê chi phí phát sinh và thanh quyết toán chi phí với Công ty, hoàn tạm ứng.

Kế toán mở sổ theo dõi chi tiết các khoản thu, chi tại đơn vị và quan hệ thanh toán với Công ty, không tổ chức hạch toán.

- *Công tác báo cáo*: Định kỳ tháng, đơn vị lập các biểu mẫu báo cáo chi tiết doanh thu, thực thu, công nợ nộp Công ty theo qui định.

3.2.2.2 Nội dung công tác kế toán ở Phòng kế toán Công ty. Công tác kế toán tại Văn phòng Công ty bao gồm kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại văn phòng, các đơn vị hạch toán tập trung và kết nối dữ liệu kế toán của các đơn vị có tổ chức kế toán riêng.

a. Theo dõi nguồn vốn Công ty cấp cho các Điện lực.

b. Theo dõi các khoản công nợ với các Điện lực:

c. Kế toán tài sản cố định: Hàng tháng, căn cứ báo cáo của các điện lực, kế toán Công ty thực hiện ghép dữ liệu, đối chiếu các biến động tại đơn vị và tại Công ty với hồ sơ chứng từ về tài sản như quyết định tăng, giảm, điều chuyển…đảm bảo cân đối toàn Công ty về số lượng, giá trị, nguồn vốn.

d. Kế toán xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn. Hàng tháng, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện SCL, XDCB hoàn thành, dỡ dang tại các điện lực, kế toán Công ty hạch toán tổng hợp toàn Công ty. Lập và thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán các công trình thuộc thẩm quyền Công ty. Đối với các công trình SCL, Công ty ghi nhận chi phí công trình vào chi phí SXKD.

e. Kế toán doanh thu, công nợ: Trên cơ sở số liệu doanh thu từ các báo cáo điện lực gửi về và phần doanh thu công ty trực tiếp theo dõi, kế toán trích ghép dữ liệu, hạch toán doanh thu tổng hợp cho toàn Công ty theo từng loại hình điện, viễn thông và sản xuất khác. Công nợ phải thu khách hàng được kế toán mở theo dõi đối tượng cho từng đơn vị trực thuộc.

f. Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh: Chi phí tại Công ty bao gồm các khoản chi phí theo dõi trực tiếp tại Công ty và chi phí các Điện lực báo cáo.

- Chi phí điện mua: Căn cứ bảng tổng hợp sản lượng điện mua theo hợp đồng mua điện với Tổng công ty và hoá đơn bán điện nội bộ của Tổng Công ty, kế toán hạch toán tăng giá vốn sản phẩm điện.

- Chi phí nguyên vật liệu: Gồm chi phí nguyên vật liệu các điện lực báo cáo và chi phí phát sinh trực tiếp tại Công ty.

- Chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương: Kế toán hạch toán chi phí tiền lương và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc.

- Chi phí khấu hao: Trên cơ sở chi phí khấu hao các điện lực báo cáo, kế toán hạch toán vào chi phí và bổ sung phần trích khấu hao tài sản cố định tại văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán tập trung.

- Chi phí sữa chữa lớn TSCĐ: bao gồm chi phí sữa chữa lớn thực hiện hoàn thành của các điện lực và tại Công ty, kế toán phân bổ vào giá thành SXKD theo đúng tính chất chi phí.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác: Gồm chi phí phát sinh tại các điện lực và chi phí tại văn phòng Công ty.

g. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Trên cơ sở báo cáo của các điện lực, Công ty trích ghép dữ liệu, cập nhật phần phát sinh tại Công ty, xác định kết quả hoạt động kinh doanh điện, viễn thông và kinh doanh khác cho toàn Công ty.

h. Lập báo cáo kế toán toàn Công ty: Công ty có trách nhiệm lập báo cáo kế toán cho toàn Công ty theo mẫu theo qui định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Để hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán tại Công ty Điện lực Quảng Nam, chương 3 đã trình bày cụ thể những yêu cầu về PCQLTC trong điều kiện hiện nay của Công ty. Từ những nội dung của PCQLTC mới và những yêu cầu về quản lý được đặt ra, xác định lại mô hình tổ chức kế toán phù hợp tại Công ty là mô hình vừa tập trung, vừa phân tán.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về mô hình tổ chức kế toán trong doanh nghiệp kết hợp với tìm hiểu thực tế phân cấp quản lý tài chính và mô

hình tổ chức kế toán ở Công ty Điện lực Quảng Nam, Luận văn với đề tài ***"Hoàn thiện mô hình tổ chức kế toán tại công ty điện lực Quảng Nam thuộc Tổng công ty Điện Lực Miền Trung"*** đã giải quyết một số vấn đề sau:

-Đánh giá thực trạng phân cấp quản lý tài chính và mô hình tổ chức kế toán đang áp dụng tại Công ty Điện lực Quảng Nam, tác giả trình bày cụ thể nội dung PCQLTC của Công ty cho các đơn vị trực thuộc, trình bày mô hình tổ chức kế toán tập trung hiện đang áp dụng tại Công ty, đi sâu phân tích các mối quan hệ kế toán giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc theo mô hình này. Qua đó, tác giả đánh giá ưu, nhược điểm trong PCQLTC và mô hình tổ chức kế toán hiện đang áp dụng, nhận thấy với điều kiện hiện nay tại Công ty, việc PCQLTC và mô hình tổ chức kế toán tập trung không còn phù hợp, bộc lộ nhiều hạn chế, Công ty cần xem xét sửa đổi phù hợp.

-Nhằm giải quyết những hạn chế về PCQLTC và mô hình tổ chức kế toán trong điều kiện hiện tại của Công ty, tác giả trên cơ sở phân tích những điều kiện hiện nay cần quan tâm trong PCQLTC của Công ty, đã đề xuất, đưa ra những yêu cầu và trình bày cụ thể những thay đổi về PCQLTC, xác định lại mô hình tổ chức kế toán phù hợp với PCQLTC mới, đó là mô hình vừa tập trung, vừa phân tán.

-Để thực hiện được PCQLTC và mô hình tổ chức kế toán được xác định lại, tác giả đã nêu ra những yêu cầu cần thiết, phát hoạ cụ thể nội dung công tác kế toán ở các đơn vị trực thuộc và ở Văn phòng Công ty, mối liên hệ về công tác kế toán giữa Công ty với các đơn vị, đảm bảo điều kiện cần thiết để Công ty có thể thực hiện được theo hướng hoàn thiện.

Tuy nhiên, do điều kiện hạn chế về khả năng và thời gian thực hiện, một số vấn đề Luận văn còn chưa hoàn thiện như chưa có dẫn

chứng cụ thể về mặt số liệu để lập minh hoạ một số báo cáo kế toán trong điều kiện được tổ chức lại kế toán ở Công ty.

Tác giả nhận thấy với mô hình tổ chức kế toán mới này, Tổng Công ty điện lực Miền trung có thể tham khảo vận dụng và triển khai đồng bộ cho các Công ty Điện lực cấp tỉnh thuộc Tổng công ty./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ ÁI

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG NAM THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Ngô Hà Tấn

Phản biện 1:……
Phản biện 2:…….

Luận văn sẽ được bảo về tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại đại học Đà Nẵng vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
- Trung tâm thông tin - học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng